

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

Tên chương trình: Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh
Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

A. Kiến thức:

- Kiến thức tương đối rộng về ngôn ngữ Anh, văn hóa và xã hội Anh-Mỹ, để sau khi tốt nghiệp sinh viên có trình độ tri thức cần thiết cho những công việc chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đồng thời có đủ kiến thức nền để tiếp tục học lên bậc Cao học/Thạc sĩ.

- Kiến thức cơ sở về khoa học cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để sinh viên bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa-văn minh của các nước Cộng đồng Anh ngữ. Đồng thời, sinh viên được cung cấp kiến thức cập nhật về tình hình hội nhập của đất nước thông qua những nội dung của các học phần thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

- Kiến thức chuyên ngành thương mại để sinh viên có đủ kiến thức làm việc trong các lĩnh vực quản trị nhân sự, tiếp thị, bán hàng ... trong các công ty nước ngoài

- Kiến thức cơ bản về chính trị và văn hóa để sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và có ý thức kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc.

- Kiến thức cơ sở về công nghệ thông tin để sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong xã hội hiện đại và có năng lực tự khám phá và nâng cao trình độ cho chính mình.

B. Kỹ năng:

- Các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường. Sau khi tốt nghiệp có trình độ thực hành tiếng tương đương trình độ C1 khung tham chiếu Châu Âu.

- Trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực như công tác biên – phiên dịch, các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế và xã hội, v.v. Sinh viên học xong ngành này, nếu có bổ sung thêm chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm có thể tham gia giảng dạy tại các trung tâm ngoại ngữ hoặc các trường phổ thông.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể trong công tác.

- Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, và truyền đạt thông tin có hiệu quả, là những kỹ năng thiết yếu trong các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế và xã hội, v.v. trong xã hội công nghiệp hiện đại.

- Kỹ năng tự tìm hiểu và nắm bắt những cơ hội tiếp cận thị trường lao động sau khi tốt nghiệp.

- Có chứng chỉ B tin học.

C. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, và ý thức phục vụ nhân dân.

- Luôn học tập, cập nhật kiến thức đáp ứng nhu cầu đổi mới.

- Có lòng yêu nghề.

- Có tinh thần cải tiến trong công việc được giao.

- Biết cạnh tranh trong công việc, nhưng luôn tôn trọng văn hóa của các nước, đồng thời gìn giữ và phát huy văn hóa nước nhà.

- Biết nắm bắt những cơ hội giao tiếp với những người đến từ các xã hội và các nền văn hóa khác để học hỏi và tự hoàn thiện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của mình.

D. Hành vi:

- Chấp hành quy định luật của nhà nước, nội quy của cơ quan.

- Chấp hành sự phân công, điều động trong công tác.

- Sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến phê bình một cách tích cực.

- Tự tin, bản lĩnh, và khẳng định năng lực bản thân.

E. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh văn của trường đại học Đồng Nai có thể đảm nhận các vị trí sau:

- Phiên dịch, biên dịch tại các cơ quan, tổ chức xã hội và doanh nghiệp.

- Làm việc tại các cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, nhà xuất bản cần sử dụng tiếng Anh.

- Ngoài ra, sinh viên sau khi tốt nghiệp còn có thể đảm nhận nhiều vị trí trong các công ty nước ngoài như quản trị nhân sự, tiếp thị, kinh doanh, bán hàng, trong các công ty nước ngoài.

- Sinh viên có nhu cầu được học thêm chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm để có thể giảng dạy tiếng Anh ở các trường phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng hay các trung tâm ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

135 đơn vị tín chỉ (viết tắt là TC) không tính các học phần GDTC và GDQP-AN NINH.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

4.1. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được dự thi tuyển vào chuyên ngành này:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề (sau đây gọi chung là trung học);

Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của người học;

- Trong độ tuổi quy định đối với những ngành có quy định hạn chế tuổi;

- Về khu vực dự tuyển, tuyển trên phạm vi cả nước.

4.2. Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự thi:

- Không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự;

- Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;

- Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);

- Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự thi (bằng văn bản); cán bộ, công chức, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ–BGDDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo.

6. THANG ĐIỂM:

Sử dụng thang điểm 10 và thực hiện việc chuyển điểm theo quy chế 43/2007/QĐ–BGDDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

NỘI DUNG	SỐ TÍN CHỈ	TÍN CHỈ BẮT BUỘC	TÍN CHỈ TỰ CHỌN
7.1 Kiến thức giáo dục đại cương	21	21	0
7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	114	104	10/22
<i>Trong đó:</i>			
7.2.1 Kiến thức cơ sở khối ngành	8	6	2/6
7.2.2 Kiến thức ngôn ngữ	18	14	4/8
7.2.3.Kiến thức văn hóa	4	4	
7.2.4 Kiến thức tiếng	58	58	
7.2.5 Kiến thức chuyên ngành thương mại	13	9	4/10
7.2.6 Thực tập chuyên ngành tiếng Anh	6	6	
7.2.7 Khóa luận TN hoặc các học phần thay thế	7	7	
Tổng	135	125	10/24

Chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
7.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	21
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin	5
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4	Tin học cơ sở	2

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
5	Ngoại ngữ 2 HP 1	2
6	Ngoại ngữ 2 HP 2	2
7	Ngoại ngữ 2 HP 3	3
8	PPNC Khoa học tiếng Anh	2
9	<i>Giáo dục thể chất</i>	3
10	<i>Giáo dục quốc phòng an ninh</i>	165 tiết
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	114
7.2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	8
a	Học phần bắt buộc	6
11	Dẫn luận ngôn ngữ học	2
12	Tiếng Việt thực hành	2
13	Pháp luật đại cương	2
b	Học phần tự chọn	2/6
14	Logic học đại cương	2
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
16	Ngôn ngữ học đối chiếu	2
7.2.2	Kiến thức ngôn ngữ	18
a	Học phần bắt buộc	14
17	Ngữ âm thực hành 1	2
18	Ngữ âm thực hành 2	2
19	Ngữ âm – Âm vị học	2
20	Ngữ pháp 1	3
21	Ngữ pháp 2	3
22	Cú pháp học	2

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
b	Học phần tự chọn	4/8
23	Ngữ nghĩa học	2
24	Hình thái học	2
25	Phân tích diễn ngôn	2
26	Ngữ dụng học	2
7.2.3	<i>Kiến thức văn hoá</i>	4
27	Văn hóa Anh	2
28	Văn hóa Mỹ	2
7.2.4	<i>Kiến thức tiếng</i>	58
29	Nghe 1	2
30	Nghe 2	2
31	Nghe 3	2
32	Nghe 4	2
33	Nghe 5	2
34	Nghe 6	2
35	Nói 1	2
36	Nói 2	2
37	Nói 3	2
38	Nói 4	2
39	Nói 5	2
40	Nói 6	2
41	Đọc 1	2
42	Đọc 2	2
43	Đọc 3	2

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
44	Đọc 4	2
45	Đọc 5	2
46	Đọc 6	2
47	Viết 1	2
48	Viết 2	2
49	Viết 3	2
50	Viết 4	2
51	Viết 5	2
52	Viết 6	2
53	Lý thuyết Dịch	2
54	Biên dịch Anh - Việt	3
55	Biên dịch Việt - Anh	3
56	Kỹ năng thuyết trình	2
7.2.5	Kiến thức chuyên ngành thương mại	13
A	Học phần bắt buộc	9
57	Kỹ năng bán hàng	3
58	Marketing căn bản	3
59	Quản trị nhân sự	3
B	Học phần tự chọn	4/10
60	Tiếng Anh thương mại	2
61	Tiếng Anh thư ký văn phòng	2
62	Tiếng Anh kế toán	2
63	Tiếng Anh quảng cáo và tiếp thị	2
64	Tiếng Anh đàm phán trong kinh doanh	2

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
7.2.6	Thực tập chuyên môn, nghiệp vụ	6
65	Thực tế chuyên môn 1	2
66	Thực tập chuyên ngành	4
7.2.7	Khoá luận TN hoặc các học phần thay thế	7
67	Biên dịch chuyên ngành tiếng Anh thương mại	3
68	Thư tín thương mại	2
69	Giao tiếp trong kinh doanh	2
Tổng:		135

8. PHÂN PHỐI THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
I	Khối kiến thức đại cương	21								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin	5	5							
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2						
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3			3					
4	Tin học đại cương	2	2							
5	Ngoại ngữ 2 HP 1	2	2							
6	Ngoại ngữ 2 HP 2	2		2						
7	Ngoại ngữ 2 HP 3	3			3					
8	PPNCKH-tiếng Anh	2			2					
9	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	+	+	+					
10	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	165 t								
II	Kiến thức cơ sở khối ngành	8								
a	Học phần bắt buộc	6								
11	Dẫn luận ngôn ngữ học	2				2				
12	Tiếng Việt thực hành	2		2						
13	Pháp luật đại cương	2				2				
b	Học phần tự chọn (2/6)	2					2			

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
14	Logic học đại cương	2								
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2								
16	Ngôn ngữ học đối chiếu	2								
III	Khối kiến thức ngôn ngữ	18								
a	Học phần bắt buộc	14								
17	Ngữ âm thực hành 1	2	2							
18	Ngữ âm thực hành 2	2		2						
19	Ngữ âm – Âm vị học	2				2				
20	Ngữ pháp 1	3		3						
21	Ngữ pháp 2	3			3					
22	Cú pháp học	2				2				
b	Học phần tự chọn (4/8 TC)	4					4			
23	Ngữ nghĩa học	2								
24	Hình thái học	2								
25	Phân tích diễn ngôn	2								
26	Ngữ dụng học	2								
IV	Khối kiến thức văn hóa	4								
27	Văn hóa Anh	2					2			
28	Văn hóa Mỹ	2						2		

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
V	Khối kiến thức tiếng	56								
29	Nghe 1	2	2							
30	Nghe 2	2		2						
31	Nghe 3	2			2					
32	Nghe 4	2				2				
33	Nghe 5	2					2			
34	Nghe 6	2						2		
35	Nói 1	2	2							
36	Nói 2	2		2						
37	Nói 3	2			2					
38	Nói 4	2				2				
39	Nói 5	2					2			
40	Nói 6	2						2		
41	Đọc 1	2	2							
42	Đọc 2	2		2						
43	Đọc 3	2			2					
44	Đọc 4	2				2				
45	Đọc 5	2					2			
46	Đọc 6	2						2		

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
63	Tiếng Anh quảng cáo và tiếp thị	2								
64	Tiếng Anh đàm phán trong kinh doanh	2								
VII	Thực tập chuyên môn, nghiệp vụ	6								
65	Thực tế chuyên môn 1	2						2		
66	Thực tập chuyên ngành	4								4
VIII	Khoá luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế	7								
67	Biên dịch tiếng Anh thương mại	3								3
68	Thư tín thương mại	2								2
69	Giao tiếp trong kinh doanh	2								2
TC		135	19	19	19	18	18	19	12	11